

Bản án số: 238/2019/HC-PT

Ngày 10 tháng 5 năm 2019

“V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 và ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 99/2018/TLPT-HC ngày 09 tháng 3 năm 2018 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2017/HC-ST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 597/2019/QĐPT-HC ngày 20 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

Ông Mai Văn L, sinh năm: 1967 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 13, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2015):

Ông Quản Đức N, sinh năm: 1955 (có mặt).

Địa chỉ: đường số 4, khu phố 3, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Trung tâm hành chính huyện N, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Quốc L1, sinh năm: 1948, (có mặt).

2. Bà Trương Th, sinh năm: 1949, (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho L1, bà Th: bà Nguyễn Thụy H – Luật sư, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai, (có mặt).

3. Bà Mai Thị Nh, sinh năm: 1962, (có mặt).

4. Bà Mai Thị Đ, sinh năm: 1965, (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1938, (vắng mặt).

6. Bà Mai Thị L3, sinh năm: 1970, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Mai Văn L ủy quyền cho ông Quản Đức N có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về nguồn gốc diện tích 969m² thuộc thửa 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nằm tiếp giáp với diện tích đất 11.011m² mà gia đình ông L đại diện là mẹ ông L là bà Nguyễn Thị L2 đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/11/1999 là của ông nội khai phá và để lại cho ba mẹ ông. Gia đình ông đã quản lý, sử dụng từ năm 1975 cho đến nay. Đến năm 2008 Nhà nước có chủ trương cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông được bà L2 cho đăng ký kê khai đối với diện tích đất trên tên ông L đã làm hồ sơ đăng ký kê khai đối với diện tích đất trên nên ông L đã nộp hồ sơ đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng ông L thấy UBND huyện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất 11.011m² cho cha mẹ ông mà không cấp cho ông nên ông L đã nhiều lần đến UBND huyện thắc mắc nhưng không được trả lời.

Trên phần đất 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, ông L có trồng cây tràm từ năm 1975 nhưng đến khoảng năm 2010, vợ chồng L1, bà Th đã cưa hết tràm của ông L. Khi xảy ra sự việc, ông L

có báo với UBND xã P nhưng chỉ trình báo bằng miệng nên không được giải quyết. UBND xã có cho ông biết 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai đã được cấp giấy cho ông Mai Quốc L1. Sau khi L1 cưa hết tràm, L1 san lấp mặt bằng và trồng cây tràm con đến nay được khoảng 03 năm tuổi. Trước đây, đất không có hàng ranh nhưng đến năm 2008 ông L rào bằng trụ xi măng nhưng L1, bà Th đã nhổ trụ đem bỏ. Đất đang tranh chấp là của ông quản lý từ năm 1975. Đó là đất hầm hố. Ông chính là người thuê người san lấp mặt bằng và có người làm chứng.

Trước năm 2008, giữa ông L và L1 tranh chấp quyền sử dụng đất, UBND huyện N thụ lý giải quyết. Ngày 25/7/2008, UBND huyện N ban hành Quyết định 2575/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông L và công nhận đất cho L1. Ngày sau đó, ông L đã có đơn gởi tất cả các cơ quan và khiếu nại tiếp theo tại UBND tỉnh Đồng Nai nhưng đến nay, UBND tỉnh Đồng Nai chưa giải quyết khiếu nại. Trong quá trình đang tranh chấp, tháng 12/2009, UBND huyện N lại cấp giấy chứng nhận cho L1.

Tháng 12/2014, ông L mới biết đất này đã được cấp cho ông Mai Quốc L1 nên ông đã khởi kiện tranh chấp án hành chính tại tòa.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L1 và bà Trương Th.

Ngày 09/01/2017, ông Mai Văn L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N và được Tòa án thụ lý.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện:

Ngày 22/3/2008 ông Mai Quốc L1 có đơn khiếu nại lên UBND xã P, UBND huyện N, UBND tỉnh Đồng Nai xin giải quyết tranh chấp đất giữa hộ ông Mai Quốc L1 và hộ bà L2.

UBND huyện N có nhận được đơn tranh chấp đất diện tích 859m² thuộc 04 thửa: Thửa 309b (306m²) thửa 309c (242m²), thửa 333c (224m²), thửa 335b (33m²) thuộc tờ bản đồ số 12 cũ nay là thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai giữa ông Mai Quốc L1 và ông Mai Văn L.

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính (sổ mục kê lập năm 1998) xác định ông Mai Quốc L1 đăng ký kê khai thửa 309 có diện tích 872m² và thửa đất 333 có diện tích 257m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Bà Nguyễn Thị L2 đăng ký thửa đất 335 và được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp giữa hai bên không thống nhất được đường ranh và cây trồng trên đất, nhưng ông L xác nhận L1 có trồng tràm khoảng 300m² trên phần đất thuộc thửa đất 309 (360m² trên thửa 309b) và rào ranh bằng trụ xi măng và kẽm gai (ranh rào nằm trên thửa đất 335 ngăn cách giữa phần đất tranh chấp và phần đất ông L sử dụng), ngoài việc đăng ký được thể hiện tại mục kê các bên không cung cấp được giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất.

Trên cơ sở đó, ngày 25/7/2008, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2575/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Mai Quốc L1 với ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị L2 với nội dung bác đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Mai Văn L đối với các thửa đất 333, 309 tờ bản đồ số 12 xã P; công nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc L1 đối với thửa đất nêu trên. Ngày 04/8/2008, Thanh tra huyện đã công bố quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất trên đến ông Mai Văn L. Thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp trên, UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc L1.

Riêng ông Mai Văn L, trong thời gian quy định của pháp luật để tiếp tục khiếu nại hoặc khởi kiện quyết định hành chính, ông L đã không thực hiện quyền khiếu nại hay khởi kiện đối với Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N.

Nhận thấy thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N và việc UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc L1 đã quá 12 tháng. Vì vậy, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Quốc L1 do bà Nguyễn Thị Kim L4 là người đại diện trình bày:

Nguồn gốc diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai trước đây là đất công thổ nhưng do người dân lân cận đó gánh đất về đắp nền. Từ đó đất công thổ trở thành đất hầm, hố. Đến năm 1976, gia đình về đó sống và san lấp diện tích đất hầm hố nêu trên. L1 san lấp tới đâu thì trồng tầm vông và cây tràm tới đó. Trong quá trình sử dụng đất, L1 kê đi kê khai đăng ký và nộp thuế đầy đủ theo yêu cầu của Nhà nước. Việc đóng thuế có thể hiện trong mục sổ kê. Thời gian không nhớ, ông có được Nhà nước cấp sổ kê khai thu nộp thuế nông nghiệp (sổ vàng), hiện nay thời gian quá lâu. Ông đã làm thất lạc mất sổ nhưng ông cam kết sẽ về nhà kiểm và nộp bổ sung cho Tòa. Sau khi san lấp phần đất hầm hố nêu trên, ông trồng tầm vông. Sau đó, tiếp tục trồng tràm. Năm 2006, ông cưa tràm làm nhà, năm 2007 ông trồng lại tràm cho đến nay.

Năm 2007, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai xuống đo đạc trực tiếp nên đã dẫn đến tranh chấp. Đến ngày 25/7/2008, UBND huyện N ban hành Quyết định 2575/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp, theo đó bác đơn khiếu nại của ông L và công nhận đất cho ông. Đến ngày 08/12/2009, UBND huyện N cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L1 và bà Trương Th, ông không đồng ý.

2. Bà Mai Thị Đ, Mai Thị L3 trình bày: Bà Đ, bà L3 không có ý kiến và không tranh chấp diện tích đất trên.

3. Bà Nguyễn Thị L2 trình bày: Bà là mẹ của ông Mai Văn L. Về nguồn gốc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai là của ông bà cố để lại cho bà và chồng là ông Mai Văn C. Sau khi ông C chết, L1 đã chiếm đoạt. Trước đây, trên thửa đất này có trồng tràm và tre nhưng L1 đã chặt phá. Thửa đất này, bà đã cho ông L bằng miệng. Nay ông L khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L1 và bà Trương Th, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Bà Trương Th trình bày: Bà là vợ của Mai Quốc L1. Nguồn gốc đất đang tranh chấp là do L1 khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1976 đến nay, trên đất có trồng tràm bông vàng, có cắm cọc rào bằng trụ xi măng làm rõ ranh giới với các thửa đất liền kề. UBND huyện N ban hành Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008, ngày 16/4/2009, L1 đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L1 và bà là đúng quy định. Nay ông L khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L1 và bà Trương Th và yêu cầu hủy Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008, bà không đồng ý.

Tại bản án số 10/2017/HC-ST ngày 25/10/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, Điều 158, khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng Điều 49, Điều 50, Điều 136 Luật đất đai 2003; Điều 160, Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Điều 3, Điều 14, Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; áp dụng Khoản 2, Điều 14 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn L về việc yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L1 và bà Trương Th và không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N và không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 969m² thửa đất số 208 tờ bản đồ số 11 ấp B, xã P, huyện N.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26/10/2017, ông Mai Văn L kháng cáo toàn bộ bản án .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Mai Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí đề nghị Hội đồng xét bác kháng cáo của ông Mai Văn L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Mai Văn L trong hạn luật định được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của UBND huyện N là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015 là có căn cứ.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Đối với yêu cầu hủy Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N. Ngày 25/7/2008 ông L nhận được quyết định nêu trên, qua ngày hôm sau ông tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh (bút lục 118), đến thời điểm khởi kiện, ông L vẫn chưa nhận được trả lời của cơ quan có thẩm quyền về giải quyết khiếu nại. Ngày 02/01/2017 ông L làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy quyết định nêu trên là trong thời hạn khởi kiện theo quy định tại điều 116 tố tụng hành chính năm 2015.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L1 và bà Trương Th. Ngày 15/12/2014 ông L nhận được văn bản số 805/HĐND – VP ngày 27/11/2014 của thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai thông báo cho ông L biết L1 và bà Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên (bút lục 94). Ngày 23/01/2015 ông L làm đơn khởi kiện là còn trong thời hạn khởi kiện theo điều 104 luật tố tụng hành chính năm 2010.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định bị khởi kiện số 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N:

Về thẩm quyền ban hành: Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N ban hành theo đúng quy định tại Điều 136 Luật đất đai 2003, Điều 160 nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Về trình tự và nội dung:

Ông Mai Văn L cho rằng nguồn gốc diện tích 969m² đất thuộc thửa 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nằm tiếp giáp với diện tích đất 11.011m² mà gia đình ông L đại diện là mẹ ông L là bà Nguyễn Thị L2 đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/11/1999 là của ông nội khai phá và để lại cho ba mẹ ông. Gia đình ông đã quản lý, sử dụng từ năm 1975 cho đến nay. Đến năm 2008 Nhà nước có chủ trương cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông được bà L2 cho đăng ký kê khai đối với diện tích đất trên tên ông L đã làm hồ sơ đăng ký kê khai đối với diện tích đất trên nên ông L đã nộp hồ sơ đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng ông L thấy UBND huyện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất 11.011m² cho cha mẹ ông mà không

cấp cho ông nên ông L đã nhiều lần đến UBND huyện thắc mắc nhưng không được trả lời.

Trên phần đất 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, ông L có trồng cây trà từ năm 1975 nhưng đến khoảng năm 2010, vợ chồng L1, bà Th đã cưa hết trà của ông L. Khi xảy ra sự việc, ông L có báo với UBND xã P nhưng chỉ trình báo bằng miệng nên không được giải quyết. UBND xã có cho ông biết 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai đã được cấp giấy cho ông Mai Quốc L1. Sau khi L1 cưa hết trà, L1 san lấp mặt bằng và trồng cây trà con đến nay được khoảng 03 năm tuổi. Trước đây, đất không có hàng ranh nhưng đến năm 2008 ông L rào bằng trụ xi măng nhưng L1, bà Th đã nhổ trụ đem bỏ. Đất đang tranh chấp là của ông quản lý từ năm 1975.

Còn theo ông Mai Quốc L1 cho rằng: Nguồn gốc diện tích 969m² đất thuộc thửa số 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai trước đây là đất công thổ nhưng do người dân lân cận đó gánh đất về đắp nền. Từ đó đất công thổ trở thành đất hầm, hồ. Đến năm 1976, gia đình về đó sống và san lấp diện tích đất hầm hồ nêu trên. L1 san lấp tới đâu thì trồng tầm vông và cây trà tới đó. Trong quá trình sử dụng đất, L1 kê đi kê khai đăng ký và nộp thuế đầy đủ theo yêu cầu của Nhà nước. Việc ông đóng thuế có thể hiện trong mục sổ kê, được Nhà nước cấp sổ kê khai thu nộp thuế nông nghiệp (sổ vàng), hiện nay thời gian quá lâu. Ông đã làm thất lạc mất sổ nhưng ông cam kết sẽ về nhà kiểm và nộp bổ sung cho Tòa. Sau khi san lấp phần đất hầm hồ nêu trên, ông trồng tầm vông. Sau đó, tiếp tục trồng trà. Năm 2006, ông cưa trà làm nhà, năm 2007 ông trồng lại trà cho đến nay.

Năm 2007, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai xuống đo đạc trực tiếp nên đã dẫn đến tranh chấp. Đến ngày 25/7/2008, UBND huyện N ban hành Quyết định 2575/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp, theo đó bác đơn khiếu nại của ông L và công nhận đất cho L1. Đến ngày 08/12/2009, UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho L1.

Ngày 22/3/2008, ông Mai Quốc L1 có đơn khiếu nại lên UBND xã P, UBND huyện N, UBND tỉnh Đồng Nai xin giải quyết tranh chấp đất giữa hộ ông Mai Quốc L1 và hộ bà L2. Ngày 24/4/2008 Thường trực Hội đồng nhân dân có buổi lấy ý kiến của nhân dân xung quanh khu vực có tranh chấp, các ý kiến đều xác định ông Mai Quốc L1 có khai phần đất tranh chấp để trồng trà, xung quanh trồng tre tầm vông làm ranh. Trà của L1 có cây to (bán kính 50cm), L1 có khai thác một ít để làm gỗ cất nhà cho con, hiện trên đất còn gốc trà và hàng tầm vông. Các ý kiến của các Đoàn thể - ban ngành đều thống nhất xác định đây là phần đất của ông Mai Quốc L1 chiếm dụng đất gò từ trước tới nay vì vậy L1 được hưởng thành quả cũng như sự xác lập của nhà nước bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho L1 (bút lục 152-154).

Đối với ông L không cung cấp được chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất và chỉ ranh không rõ ràng nên UBND huyện không chấp nhận yêu cầu của ông L. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông L và người đại diện theo ủy quyền không đưa ra được tình tiết nào mới so với cấp sơ thẩm. Vì vậy kháng cáo của ông L yêu cầu hủy Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 25/07/2008 của UBND huyện N và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 969m² thửa đất số 208 tờ bản đồ số 11 ấp B, xã P mà UBND huyện N đã cấp cho ông Mai Quốc L1 và bà Trương Th là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Mai Văn L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm được HĐXX chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hành chính phúc thẩm ông L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của ông Mai Văn L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2017/HC-ST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, Điều 158, khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 49, Điều 50, Điều 136 Luật đất đai 2003; Điều 160, Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Điều 3, Điều 14, Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007;

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn L về việc yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L1 và bà Trương Th và hủy Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N. Không chấp nhận yêu cầu của ông L về việc công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 969m² thửa đất số 208 tờ bản đồ số 11 ấp B, xã P, huyện N cho ông L.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Mai Văn L phải chịu 300.000đ; được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo Biên lai thu số 001149 ngày 31/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

[4] Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên

Trần Văn Mười

Hoàng Thanh Dũng